

Số:09/2025/QĐST-VHNGĐ

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 211, Điều 212 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2025/TLST-VHNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2025 về “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Anh Nguyễn Hoài N, sinh ngày 29/12/1991; Địa chỉ: Tổ 2B Khu 1, phường CX, tỉnh QN và chị Vũ Thị Hồng N, sinh ngày 17/7/1992; Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường VX, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hoài N và chị Vũ Thị Hồng N tự nguyện kết hôn với nhau từ tháng 10 năm 2013, đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân phường CX, thành phố HL (nay là phường CX, tỉnh QN) vào ngày 24/10/2013 (số đăng ký kết hôn 125 quyền số 01/2013). Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận được một thời gian ngắn sau đó đã mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và cách sống nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và thường xảy ra cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, không có hạnh phúc và đã sống ly thân nhau từ tháng 06/2014 đến nay. Nay cả hai anh chị cùng thống nhất có đơn yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản thoả thuận thuận tình ly hôn; Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 8 năm 2025 là thực sự tự nguyện, cần được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Anh N, chị Nc đều xác định trong quá trình chung sống anh chị có một con chung là: Nguyễn Gia H, sinh ngày 24/3/2014.

Anh Nam, chị Ngọc thống nhất thoả thuận: Giao cho chị Vũ Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Nguyễn Gia H, sinh ngày 24/3/2014 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

[3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh N, chị N thống nhất thỏa thuận, chị N nuôi con và không yêu cầu anh Nam phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Anh N, chị N đều xác định trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung không có.

[5]. Về lệ phí: Anh N, chị N thống nhất thỏa thuận: Chị N chịu toàn bộ lệ phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thỏa thuận về ly hôn mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hoài N và chị Vũ Thị Hồng N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh N, chị N đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có con một con chung là: Nguyễn Gia H, ngày 24/3/2014.

Anh N, chị N thống nhất thỏa thuận: Giao cho chị Vũ Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Nguyễn Gia H, ngày 24/3/2014 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ trực tiếp nuôi con và các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh N, chị N thống nhất thỏa thuận: Chị N nuôi con và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh N, cho đến khi chị N có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung; nợ chung, các khoản cho vay chung: Anh N, chị N đều xác định trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung không có.

1.5. Về lệ phí: Anh N, chị N thống nhất thỏa thuận: Chị N chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2-Thái Nguyên, theo biên lai thu số 0000531 ngày 05/8/2025.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Khu vực 2-TN;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Phòng THADS Khu vực 2-TN
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND phường CX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy